

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-02-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tấn Trường

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn 1, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Kim Th, sinh năm 1974; Địa chỉ thường trú: Thôn 1, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: Ấp P, Xã P, Huyện C, Tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Kim Th tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã P, Huyện C, Tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/8/1998.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc với nhau và được 02 con chung. Sau nhiều năm chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, hay cãi nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Bà xác

định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Kim Th.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Huỳnh Tấn H, sinh năm 1998, cháu Huỳnh Ngọc H, sinh năm 2003. Các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Kim Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với bà Th về quan hệ hôn nhân, ông với bà Th tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, cả hai cùng đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/1998 tại Ủy ban nhân dân Xã P, Huyện C, Tỉnh Đồng Tháp. Ông cũng thừa nhận từ năm 2020 đến nay thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, dần mất đi hạnh phúc gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông thống nhất với bà Th về con chung. Hiện cháu Huỳnh Tấn H, sinh năm 1998, cháu Huỳnh Ngọc H, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nêu không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Nguyễn Thị Thủy khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Kim Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn 1, Xã L, Huyện P, Tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly

hôn”. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, bà Th, ông Th đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà Th, ông Th là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 18/8/1998 tại Ủy ban nhân dân Xã P, Huyện C, Tỉnh Đồng Tháp.

Cả bà Th và ông Th đều thừa nhận từ năm 2020 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và hiện cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà Th các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để bà Th đoàn tụ tiếp tục chung sống với ông Th. Tuy nhiên, bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với ông Th, bà Th cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và ông Th cũng đồng ý ly hôn với bà Th. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Th và ông Th đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà Th được ly hôn với ông Th.

[b] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ các Điều 51; 53; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Huỳnh Kim Th. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Th với ông Huỳnh Kim Th chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015549 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Tấn Trường